

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

TỈNH SƠN LA

Tháng 7 năm 2025



01 SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP 7 THÁNG

(so với cùng kỳ năm trước)

 **TRỒNG TRỌT** (Diện tích một số loại cây chủ yếu ha)



Lúa đông xuân

13.191

▲ 0,91%



Ngô

69.186

▲ 1,10%



Sắn

44.176

▲ 2,76%

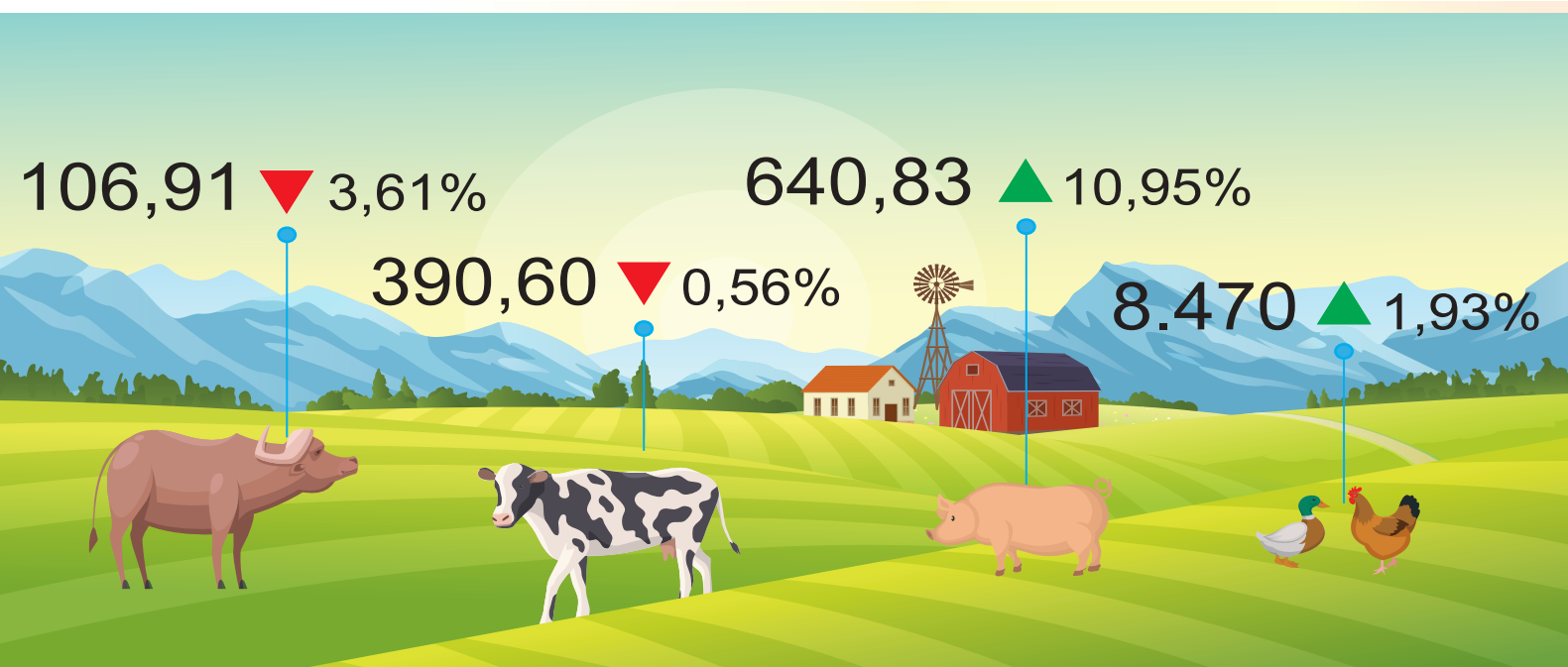


Rau các loại

9.547

▲ 3,75%

CHĂN NUÔI (nghìn con)



LÂM NGHIỆP



+ Diện tích rừng trồng mới
206,60 ha ▲ 52,92%



+ Gỗ khai thác
9,04 nghìn m³ ▼ 27,77%



+ Số vụ vi phạm lâm luật
193 vụ ▼ 27,99%

THỦY SẢN

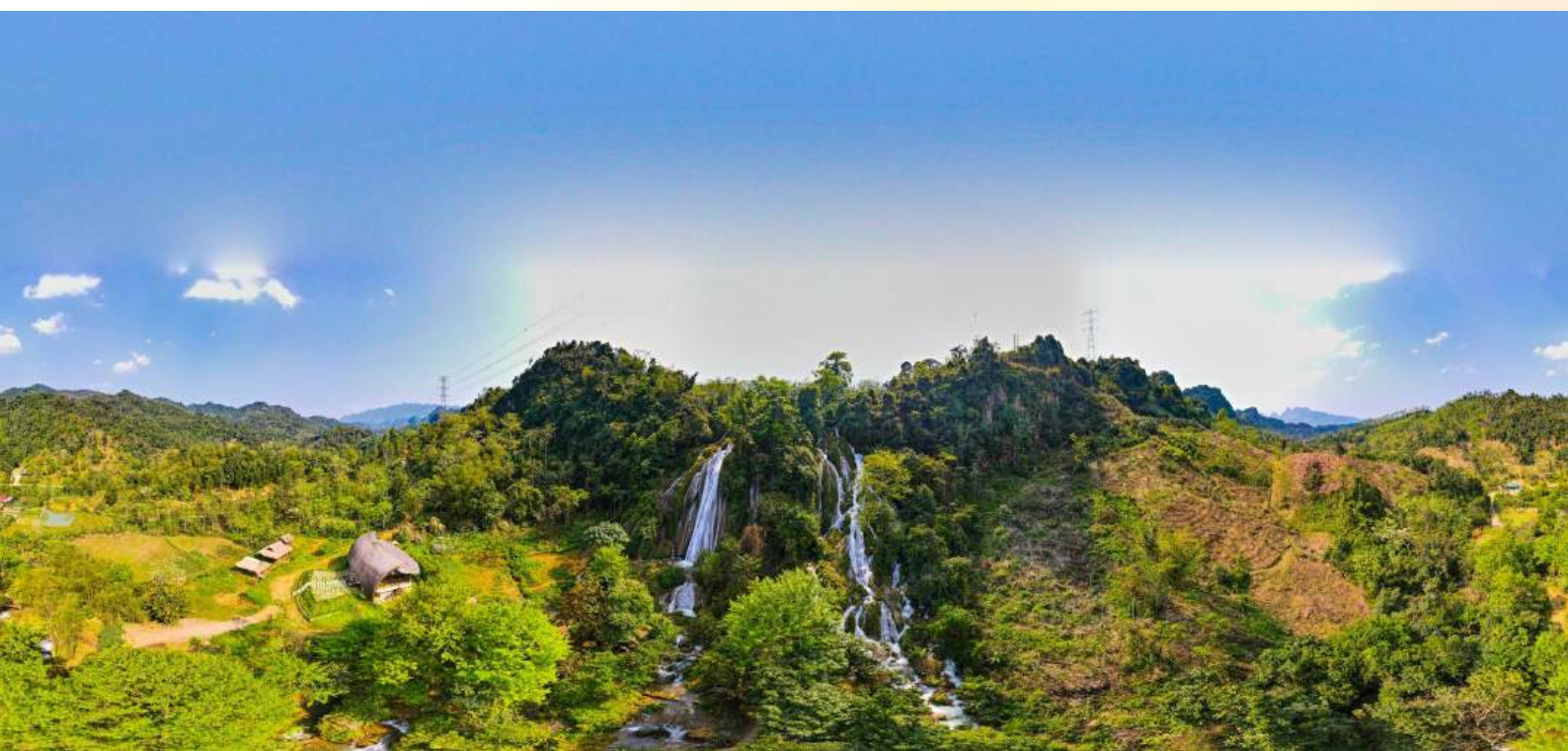


+ Diện tích nuôi trồng:
2.964 ha ▼ 1,20%

+ Số lồng bè:
7.000 chiếc ▼ 0,53%



+ Tổng sản lượng:
4.484 tấn ▲ 1,94%



02

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP 7 THÁNG

(so với cùng kỳ năm trước)

Công nghiệp
Chế biến, chế tạo

▼ 0,20%

Sản xuất và
phân phối điện

▲ 10,34%

Cung cấp nước
và
Xử lý rác thải

▲ 4,07%

Công nghiệp
khai khoáng

▲ 8,65%



▲ 8,66%

CHỈ SỐ SẢN XUẤT TOÀN NGÀNH CÔNG NGHIỆP
CỘNG ĐỒNG TỪ ĐẦU NĂM



Sản phẩm công nghiệp chủ yếu cộng đồng từ đầu năm



Đá xây dựng

448.054 m³

▲ 8,65%



Tinh bột sắn,
dong riềng

57.804 tấn

▲ 34,55%



Xi măng
Portland đen

291.201 tấn

▲ 11,24%



Sữa và kem
chưa cô đặc

27.427 nghìn lít

▼ 7,17%



Điện sản xuất

7.330 triệu KWh

▲ 10,37%



Các hợp chất
từ cao su

1.598 tấn

▲ 26,43%

03

HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP THÁNG 7

Thành lập mới

114

Giải thể

83

Tạm ngừng
hoạt động

09

04

TỔNG MỨC BÁN LẺ VÀ DOANH THU DỊCH VỤ

(so với cùng kỳ năm trước)

ƯỚC 7 THÁNG
NĂM 2025

TỔNG SỐ
30.236,76 tỷ đồng
 ↑ 13,36%

Bán lẻ hàng hóa

23.836,60 ↑ 13,90%



Dịch vụ lưu trú và ăn uống

3.087,85 ↑ 14,53%



Dịch vụ lữ hành

19,69 ↑ 16,43%



Dịch vụ khác

3.292,62 ↑ 8,55%



05

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG - CPI (%)

(so với cùng kỳ năm trước)

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 7 tháng

Đồ uống và thuốc lá

Hàng ăn và
dịch vụ ăn uống

May mặc, mũ nón
và giày dép

Hàng hóa và
dịch vụ khác

Nhà ở và
vật liệu xây dựng

Văn hóa,
giải trí và du lịch

Thiết bị và
đồ dùng gia đình

Giáo dục

Thuốc và
dịch vụ y tế

Bưu chính viễn thông

Giao thông

CPI
102,82

108,10

101,25

101,78

100,77

100,84

100,56

95,10

100,00

109,76

100,03

101,91

108,10

101,25

101,78

100,77

100,84

100,56

95,10

100,00

109,76

100,03

101,91

108,10

101,25

101,78

100,77

100,84

100,56

95,10

100,00

109,76

100,03

101,91

108,10

101,25

101,78

100,77

100,84

100,56

95,10

100,00

109,76

100,03

101,91

108,10

101,25

101,78

100,77

100,84

100,56

95,10

100,00

109,76

100,03

101,91

108,10

101,25

101,78

100,77

100,84

100,56

95,10

100,00

109,76

100,03

101,91

108,10

101,25

101,78

100,77

100,84

100,56

95,10

100,00

109,76

100,03

101,91

108,10

101,25

101,78

100,77

100,84

100,56

95,10

100,00

109,76

100,03

101,91

108,10

101,25

101,78

100,77

100,84

100,56

95,10

100,00

109,76

100,03

101,91

108,10

101,25

101,78

100,77

100,84

100,56

95,10

100,00

109,76

100,03

101,91

108,10

101,25

101,78

100,77

100,84

100,56

95,10

100,00

109,76

100,03

101,91

108,10

101,25

101,78

100,77

100,84

100,56

95,10

100,00

109,76

100,03

101,91

108,10

101,25

101,78

100,77

100,84

100,56

95,10

100,00

109,76

100,03

101,91

108,10

101,25

101,78

100,77

100,84

100,56

95,10

100,00

109,76

100,03

101,91

108,10

101,25

101,78

100,77

100,84

100,56

95,10

100,00

109,76

100,03

101,91

108,10

101,25

101,78

100,77

100,84

100,56

95,10

100,00

109,76

100,03

101,91

108,10

101,25

101,78

100,77

100,84

100,56

95,10

100,00

109,76

100,03

101,91

108,10

101,25

101,78

100,77

100,84

100,56

95,10

100,00

109,76

100,03

101,91

108,10

101,25

101,78

100,77

100,84

100,56

95,10

100,00

109,76

100,03

101,91

108,10

101,25

101,78

100,77

100,84

100,56

95,10

100,00

109,76

100,03

101,91

108,10

101,25

101,78

100,77

100,84

100,56

95,10

100,00

109,76

100,03

101,91

108,10

101,25

101,78

100,77

100,84

100,56

95,10

100,00

109,76

100,03

101,91

108,10

101,25

101,78

100,77

100,84

100,56

95,10

100,00

109,76

100,03

101,91

108,10

101,25

101,78

100,77

100,84

100,56

95,10

06

VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ HÀNG HÓA 7 THÁNG*(so với cùng kỳ năm trước)*

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải 7 tháng:

2.394,65 tỷ đồng ▲ **12,85%**

Khối lượng hành khách vận chuyển 7 tháng:

3.503 nghìn lượt ▲ **10,04%**

Khối lượng hành khách luân chuyển 7 tháng:

372.001 nghìn HK.Km ▲ **12,30%**

Khối lượng hàng hóa vận chuyển 7 tháng:

5.031 nghìn tấn ▲ **12,92%**

Khối lượng hàng hóa luân chuyển 7 tháng:

633.597 nghìn tấn.Km ▲ **13,28%**

07

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ 7 THÁNG*(so với cùng kỳ năm trước)***7 tháng** Tổng vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sáchNhà nước do địa phương quản lý **2.198,58** tỷ đồng ▲ **13,54%**

Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh

1.918,74 tỷ đồng ▲ **18,83%**

Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã

279,84 tỷ đồng ▼ **13,03%**

08

THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 7 THÁNG



TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

18.250 tỷ đồng

Đạt **84,75%**

Dự toán HĐND giao

TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

11.224 tỷ đồng

Đạt **52,89%**

Dự toán HĐND giao



09

MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI 7 THÁNG

(so với cùng kỳ năm trước)



An toàn giao thông



75 vụ tai nạn giao thông

63 người chết

65 người bị thương



Tình hình cháy, nổ



16 vụ cháy, nổ

THỐNG KÊ TỈNH SƠN LA